TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG RIỀNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2022/DS-ST
Ngày: 13-4-2022
V/v: "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG TỈNH KIÊN GIANG

- Th phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy An
*Các Hội thẩm nhân dân**:***
Bà Nguyễn Hồng Cúc
Ông Trịnh Hoàng Giang

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thái Trang - Là Thư ký Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang: Bà Nguyễn Thị Diễm Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 16/2021/TLST-DS ngày 14 tháng 01 năm 2021về việc "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2022/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 02 năm 2022. giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần (Viết tắt là TMCP) K

- *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Trần Ngọc M - Tổng giám đốc

Địa chỉ: Số 40-42-44 Phạm Hồng Th, phường V, Thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

-*Người đại diện theo ủy quyền:* Anh Huỳnh Văn L - sinh năm: 1990 - Là nhân viên xử lý nợ của Ngân hàng thương mại cổ phần K *(theo văn bản ủy quyền ngày 12/4/2022)*. Có mặt.

Địa chỉ: Khu phố Ph, thị trấn G, huyện G1, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn:*

Anh Hồ Phước Th, sinh năm 1990. Vắng mặt.

Chị Trương Kiều N, sinh năm 1992. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Ấp Lương Tr, xã Vĩnh Ph, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - ông Huỳnh Văn L trình bày:

Ngày 14/10/2020, Ngân hàng TMCP K có ký hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số A1131732/HDTD-CC với anh Hồ Phước Th và chị Trương Kiều N vay tiền, mục đích để bán bánh, vốn gốc là 10.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận trong 16 %/01 năm, lãi suất nợ quá hạn 24%/01 năm, thời hạn vay là 90 ngày, ngày 12/01/2021 thì đến hạn. Hình thức thanh toán là trả gốc và lãi hàng ngày, mỗi ngày góp 115.484 đồng, ngày cuối cùng thanh toán số tiền 116.484 đồng.

Để đảm bảo tiền vay thì anh Hồ Phước Th và chị Trương Kiều N đã cầm cố tài sản cho Ngân hàng TMCP K là xe mô tô, biển kiểm soát 68G1-66559, nhãn hiệu Honda, kiểu xe Wave, số khung 3914KY06116, số máy JA39E0917373 do chị Trương Kiều N đứng tên chủ sở hữu, theo hợp đồng lập ngày 14/10/2020.

Quá trình vay vốn, anh Th – chị N đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 555.500 đồng, lãi trong hạn 21.870 đồng. Sau đó Ngân hàng đã cử cán bộ tín dụng nhiều lần đến trực tiếp trao đổi và nhắc nhở nghĩa vụ trả nợ nhưng anh Th và chị N vẫn không có thiện chí trả nợ.

Ngân hàng thương mại cổ phần K yêu cầu anh Hồ Phước Th và chị Trương Kiều N phải thanh toán nợ gốc và lãi theo hợp tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố ngày 14/10/2020, tạm tính đến ngày 13/4/2022 là 12.888.236 đồng, trong đó nợ gốc là: 9.443.500 đồng; lãi trong hạn 351.867 đồng; lãi quá hạn 3.092.869 đồng. Ngoài ra, yêu cầu anh Th và chị N phải thanh toán tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng sau ngày 13/4/2022 cho đến khi thanh toán dứt nợ.

Trường hợp, anh Th và chị N không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì Ngân hàng yêu cầu phát mãi tài sản cầm cố theo hợp đồng ngày 14/10/2020 để thu hồi nợ.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng như sau: Quá trình thụ lý vụ án, chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử, Tòa án tiến hành đúng theo quy định của pháp luật, xác định đúng quan hệ tranh chấp, đương sự trong vụ án và tiến hành các thủ tục tố tụng đúng pháp luật. Nguyên đơn chấp hành tốt các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành. Thời hạn đưa ra xét xử chưa đảm bảo theo quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án, qua nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, quá trình tranh tụng tại phiên tòa, đối chiếu với các quy định của pháp luật, Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng xét thấy Ngân hàng TMCP K khởi kiện anh Th - chị N là hoàn toàn có căn cứ nên buộc ông bà phải trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 13/4/2022 là 12.888.236 đồng lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng sau ngày 13/4/2022 cho đến khi thanh toán dứt nợ.

Trường hợp anh Th – chị N không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thì Ngân hàng TMCP K có quyền yêu cầu phát mãi tài sản cầm cố là xe mô tô, biển kiểm soát 68G1-66559, nhãn hiệu Honda, kiểu xe Wave, số khung 3914KY06116, số máy JA39E0917373 do chị Trương Kiều N đứng tên chủ sở hữu.

Đề nghị buộc anh Th – chị N phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngân hàng TMCP K khởi kiện yêu cầu ông anh Th – chị N phải trả nợ gốc, lãi theo hợp đồng tín dụng đây là tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản, bị đơn có nơi cư trú tại huyện G, tỉnh Kiên Giang nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng trình tự, thủ tục.

Anh Th – chị N đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng nhưng anh chị vẫn vắng mặt không lý do tại phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy việc vắng mặt của anh Th - chị N không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên áp dụng khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh chị.

[2] Về nội dung:

[2.1] Căn cứ vào hợp đồng tín dụng số A1131732/HDTD-CC và văn bản đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ lập cùng ngày 14/10/2020 thể hiện anh Th và chị N có vay vốn tại Ngân hàng K số tiền vốn gốc là 10.000.000 đồng, mục đích vay để mua bán, lãi suất thỏa thuận trong hạn là 16%/ 01 năm, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn, thời hạn vay là 90 ngày. Hình thức thanh toán là trả gốc và lãi hàng ngày, mỗi ngày góp 115.484 đồng, ngày cuối cùng thanh toán số tiền 116.484 đồng.

Hợp đồng tín dụng trên được lập thành văn bản, các bên tự nguyện giao kết, các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Hợp đồng được xác lập đảm bảo về mặt nội dung và hình thức theo quy định tại Điều 117, 118, 119 và Điều 463 của Bộ luật Dân sự. Do đó có cơ sở xác định hợp đồng tín dụng nêu trên là sự thật và công nhận giá trị pháp lý của hợp đồng.

Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Th và chị N nhưng anh chị không thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện và các chứng cứ của Ngân hàng đã giao nộp theo quy định tại khoản 2 Điều 91, Điều 199 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên anh Th và chị N phải chịu hậu quả pháp lý theo quy định của pháp luật.

Quá trình thực hiện hợp đồng, anh Th và chị N đã vi phạm thời hạn thanh toán nợ gốc và lãi cho Ngân hàng TMCP K theo thỏa thuận đã ký kết, theo hợp đồng thể hiện trả góp gốc và lãi hàng ngày, ngày 12/01/2021 là đến hạn thanh toán cuối cùng. Ngân hàng có thông báo và nhiều lần đôn đốc nhắc nhở nhưng anh chị không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, xét thấy anh chị đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 91 và Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 và Điều 466, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Ngân hàng TMCP K yêu cầu thanh toán số tiền nợ gốc còn thiếu là 9.443.500 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu tính lãi của Ngân hàng TMCP K, Hội đồng xét xử xét thấy theo hợp đồng tín dụng thể hiện thời hạn trả nợ gốc và lãi trong 90 ngày, thông qua hình thức trả góp hàng ngày. Kể từ ngày 20/10/2020 anh Th – chị N không thực hiện, vi phạm nghĩa vụ trả nợ lãi. Cụ thể lãi trong hạn từ ngày 19/10/2020 đến ngày 12/01/2021: 9.443.500 đồng x 16%/01 năm x 85 ngày là 351.867 đồng; Lãi quá hạn từ ngày 20/10/2020 đến ngày 13/4/2022: 9.443.500 đồng x 540 ngày x 24%/01 năm là 3092.869 đồng.

Căn cứ theo quy định tại Điều 7, khoản 2 Điều 8 của Nghị Quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K về việc yêu cầu trả lãi trong hạn và lãi quá hạn là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp nên chấp nhận.

[2.3] Xét hợp đồng cầm cố tài sản: Để đảm bảo tiền vay anh Th - chị N đã ký hợp đồng cầm cố tài sản là xe mô tô, biển kiểm soát 68G1-66559, YANMAR, kiểu xe Wave, số khung 3914KY06116, số máy JA39E0917373 do chị Trương Kiều N đứng tên chủ sở hữu. Văn bản cầm cố được xác lập đúng hình thức theo quy định tại Điều 309 của Bộ luật Dân sự năm 2015, hiện Ngân hàng đang quản lý Giấy đăng ký xe và giao tài sản cầm cố cho anh Th - chị N sử dụng. Theo kết quả xác minh tại ấp Lương Trực, nơi cư trú của anh Th - chị N thì hiện anh chị vẫn sinh sống tại địa phương, hiện đang quản lý, sử dụng tài sản cầm cố là mô tô, biển kiểm soát 68G1-66559, nhãn hiệu Honda, kiểu xe Wave, số khung 3914KY06116, số máy JA39E0917373 do chị Trương Kiều N đứng tên chủ sở hữu. Do anh Th và chị N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ vay nên Ngân hàng TMCP K yêu cầu xử lý tài sản cầm cố là hoàn toàn có căn cứ theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử buộc anh Hồ Phước Th và chị Trương Kiều N phải liên đới thanh toán cho Ngân hàng TMCP K số tiền gốc tiền lãi tạm tính đến ngày 13/4/2022 là 12.888.236 đồng, trong đó nợ gốc là: 9.443.500 đồng; lãi trong hạn 351.867 đồng; lãi quá hạn 3.092.869 đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng tính đến ngày thanh toán dứt nợ.

Kể từ ngày 14/4/2022, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay theo lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phự hợp với lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp anh Th – chị N không có khả năng trả nợ thì Ngân hàng TMCP K có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng thực hiện thủ tục phát mãi tài sản cầm cố là xe mô tô, biển kiểm soát 68G1-66559, nhãn hiệu Honda, kiểu xe Wave, số khung 3914KY06116, số máy JA39E0917373 do chị Trương Kiều N đứng tên chủ sở hữu để thu hồi nợ.

[2.5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.6] Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Yêu cầu của Ngân hàng TMCP K được chấp nhận toàn bộ nên Ngân hàng TMCP K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí mà Ngân hàng TMCP K đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005851 ngày 14/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Anh Hồ Phước Th và chị Trương Kiều N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch là: 12.888.236 đồng x 5% = 644.411 đồng làm tròn là 644.500 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 1, 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 288, 463, 466, 470 khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 7, khoản 2 Điều 8 của Nghị Quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Tuyên xử:

1.Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần K đối với anh Hồ Phước Th và chị Trương Kiều N.

Buộc anh Hồ Phước Th và chị Trương Kiều N phải liên đới thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần K tổng số tiền là 12.888.236 đồng (*Mười hai triệu, tám trăm tám mươi tám nghìn, hai trăm ba mươi sáu đồng*). Trong đó nợ gốc là: 9.443.500 đồng; lãi trong hạn 351.867 đồng; lãi quá hạn 3.092.869 đồng.

Kể từ ngày 14/4/2022, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay theo lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phự hợp với lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp anh Th – chị N không có khả năng trả nợ thì Ngân hàng TMCP K có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng thực hiện thủ tục phát mãi tài sản cầm cố là xe mô tô, biển kiểm soát 68G1-66559, nhãn hiệu Honda, kiểu xe Wave, số khung 3914KY06116, số máy JA39E0917373 do chị Trương Kiều N đứng tên chủ sở hữu để thu hồi nợ.

2. Về án phí: Yêu cầu của Ngân hàng TMCP K được chấp nhận toàn bộ nên Ngân hàng TMCP K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí mà Ngân hàng TMCP K đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*

theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005851 ngày 14/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Anh Hồ Phước Th và chị Trương Kiều N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch là: 12.888.236 đồng x 5% = 644.411 đồng làm tròn là 644.500 đồng *(sáu trăm bốn mươi bốn nghìn, năm trăm đồng*).

Báo cho Ngân hàng thương mại cổ phần K biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 13/4/2022. Anh Hồ Phước Th và chị Trương Kiều N được tính kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 của luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thúy An

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục thi hành án;
- Đương sự;
- UBND xã;
- Lưu HS.